

Bản án số:26/2018/DSST
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Đường

2. Ông Nguyễn Thế Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T .

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9 Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lô Bằng G (Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty T, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H – Trưởng nhóm tố tụng – Phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ - Công ty T. Văn bản ủy quyền số 80/UQ-QTRR.18 ngày 13 tháng 6 năm 2018)

Người được ủy quyền lại: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đường Lương Văn C, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. (Văn bản ủy quyền lại số 3512/UQTT-QTRR.18 ngày 02 tháng 8 năm 2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1973; Trú tại: Đội 4, thôn N, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho Công ty T – chị Lê Thị T trình bày:

Ngày 07/10/2015, bà Lê Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số 20151014-129006-0001 với Công ty T để vay số tiền là 52.750.000 đồng (trong đó khoản tiền vay tiêu dùng là 50.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 2.750.000 đồng). Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Hình thức vay là tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng. Phương thức trả nợ là trả chậm trong vòng 36 tháng. Tổng số tiền bà B phải thanh toán cho Công ty trong vòng 36 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 85.883.000 đồng. Cụ thể trong 35 tháng đầu mỗi tháng bà B phải trả cho Công ty số tiền 2.387.000 đồng, tháng cuối trả 2.338.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 16/11/2015.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, bà B đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, bà B đã thanh toán cho công ty được 11 lần với tổng số tiền là 26.257.000 đồng (trong đó nợ gốc đã trả là 10.820.438 đồng, nợ lãi đã trả là 15.436.562 đồng). Kể từ ngày 30/12/2016, bà B không trả thêm cho Công ty bất kỳ một khoản tiền nào. Nay công ty T khởi kiện yêu cầu bà B phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng ký kết giữa hai bên là 59.626.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng). Tại phiên tòa, công ty T rút yêu cầu về khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc 41.929.562 đồng tính từ ngày công ty khởi kiện cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, công ty chỉ đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018, bị đơn là bà Lê Thị B trình bày: Bà thừa nhận về quá trình ký kết, nội dung cũng như quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đúng như công ty T trình bày. Bà xác nhận có vay của công ty 52.750.000 đồng (trong đó khoản tiền vay tiêu dùng là 50.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 2.750.000 đồng), đã trả cho Công ty được 11 lần với tổng số tiền là 26.257.000 đồng (trong đó nợ gốc đã trả là 10.820.438 đồng, nợ lãi đã trả là 15.436.562 đồng). Bà còn nợ công ty 59.626.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng).

Nay Công ty T yêu cầu bà phải trả toàn bộ số tiền trên và phải thanh toán tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn lại tính từ ngày Công ty khởi kiện cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Công ty, bà hoàn toàn nhất trí. Nhưng do điều kiện kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên bà đề nghị Công ty cho bà trả nợ dần, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi trả xong hết khoản nợ với công ty, đồng thời xin miễn phần nợ lãi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử, Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các buổi hòa giải tiến hành đúng thủ tục. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa và tranh luận tại phiên tòa theo đúng quy định pháp luật. Đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị B phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là 59.626.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng) và phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty T và bà Lê Thị B ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bà B đề ngày 08/11/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[3] Về áp dụng pháp luật: Quan hệ vay tài sản giữa các bên phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết hợp đồng và phát sinh quyền, nghĩa vụ là năm 2015. Do vậy pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có đủ cơ sở để xác định: Ngày 07/10/2015, bà Lê Thị B có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T vay số tiền là 52.750.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, bà B đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, bà B đã thanh toán cho Công ty được 11 lần với tổng số tiền là 26.257.000 đồng (trong đó, nợ gốc đã trả là 10.820.438 đồng, nợ lãi đã trả là 15.436.562 đồng). Kể từ ngày 30/12/2016 đến nay, bà B không trả thêm cho Công ty bất kỳ một khoản gốc và lãi nào khác. Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu bà B phải trả toàn bộ số tiền còn nợ của công ty là 59.626.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng). Riêng đối với khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc là 41.929.562 đồng tính từ ngày Công ty

khởi kiện cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, công ty rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với việc rút một phần yêu cầu về khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

Việc Bà B trình bày do điều kiện kinh tế khó khăn, xin trả dần tiền nợ gốc mỗi tháng trả 1.500.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi trả xong hết khoản nợ với Công ty, đồng thời xin miễn phần nợ lãi không được công ty chấp thuận. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận nội dung trên là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của Công ty T có căn cứ được chấp nhận, cần buộc bà Lê Thị B trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn nợ là 59.626.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng) cho Công ty T. Đồng thời áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp thuận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 59.626.000 \text{ đồng} = 2.981.300 \text{ đồng}$ được làm tròn là 2.981.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị B phải trả cho Công ty T toàn bộ số tiền là 59.626.000 đồng (*Năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) (trong đó, nợ gốc là 41.929.562 đồng và nợ lãi là 17.696.438 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Bắc không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 2.981.000 đồng (*Hai triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Hoàn trả lại số tiền 1.490.000 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm cho Công ty T theo biên lai số AA/2017/0001880 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9

Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- THA Dân sự huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Trọng Đường

Nguyễn Thế Lực

Bùi Thị Đoan Trang